

Bản án số: 43/2020/DS-PT

Ngày 4-11-2020

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Lê Đình Nam

Ông Giáp Bá Dự

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long - Thư ký Tòa án của
Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 4 tháng 11 năm 2020, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử phúc
thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 1 năm 2020,
về tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019
của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2020/QĐ-PT ngày
20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Lưu Quang Ch; địa chỉ: Số 98 đường Trần Phú,
phường D, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị A; địa chỉ: Số 20 đường Vạn Kiếp, phường T,
thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. *Người làm chứng:*

- Bà Diệp Thị KhA C; địa chỉ: Số 98 đường Trần Phú, phường D, thành
phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Chị Lưu Thị Vân Ch1; địa chỉ: số 99/11 đường Đồng Tiến, thành phố P,
tỉnh Gia Lai. Có mặt.

4. *Người kháng cáo:* Bị đơn là chị Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là anh Lưu Quang Ch trình bày:

Chị A tham gia dây hụi với anh, mỗi tháng mỗi thành viên góp 10.000.000
đồng; hụi theo kỳ, từ ngày 18- 4- 2017 đến ngày 18-5- 2018. Chị A vay tiền của
anh 8 lần để góp hụi với tổng số tiền là 80.000.000 đồng.

Ngày 6-6-2017 âm lịch (*tức ngày 29-6-2017 dương lịch*), chị A tiếp tục vay
của anh 300.000.000 đồng với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận và cam kết đến

ngày 30-8-2017 âm lịch (*tức ngày 19-10-2017 dương lịch*), sẽ trả đủ nợ gốc và tiền lãi.

Đã quá hạn, anh đòi nợ nhiều lần, nhưng chị A không chịu trả.

Anh yêu cầu Tòa án buộc chị A phải trả nợ gốc là 380.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày vay đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị A trình bày:

Chị có vay của anh Ch 300.000.000 đồng và chơi hụi 10.000.000 đồng mỗi tháng với anh Ch, hụi từ ngày 18-4-2017 đến ngày 18-5-2018.

Tuy nhiên, hai bên đã chốt lại tổng cộng số nợ là 1.300.000.000 đồng vào tháng 7 năm 2017 (*lúc chốt nợ ghi giấy mượn tiền ngày 5-9-2016*) và đã được Tòa án nhân dân thành phố P giải quyết bằng Quyết định số 43/2017/QĐST-DS ngày 10-8-2017; hiện nay, chị đang thi hành quyết định này, nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của anh Ch.

Chị không vay 80.000.000 đồng của anh Ch để đóng hụi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của anh Lưu Quang Ch. Bác một phần đơn khởi kiện đối với 80.000.000 đồng và khoản lãi của số tiền này.

Buộc chị Nguyễn Thị A phải trả cho anh Lưu Quang Ch 372.210.000 đồng (*trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 72.210.000 đồng*).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chịu nghĩa vụ chịu khoản lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền; quyết định về án phí dân sự sơ thẩm; thông báo quyền yêu cầu, tự nguyện hoặc bị cưỡng chế thi hành án và thời hiệu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12 tháng 12 năm 2019, bị đơn là chị Nguyễn Thị A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tiến hành đối chất giữa anh Ch, bà Diệp Thị Khánh C, chị Lưu Thị Vân Ch1 để làm rõ 1.300.000.000 đồng gồm những khoản tiền nào và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 300.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Ch khởi kiện yêu cầu chị A phải trả 380.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc tạm tính từ ngày 19-10-2017 (*ngày 30-8-2017 âm lịch*) đến ngày khởi kiện với lãi suất 0,83%/ tháng là 50.464.000 đồng, tổng cộng là 430.464.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu chị A phải trả 380.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày 19-10-2017 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với lãi suất 0,83%/ tháng.

Để chứng minh, nguyên đơn giao nộp chứng cứ là tài liệu đọc được có tiêu đề “*giấy mượn tiền*” (bút lục 23) có nội dung:

*“giấy mượn tiền
Tôi tên: Nguyễn Thị A SN 1968
Có mượn của em Ch
số tiền là 300.000.000
(ba trăm triệu đồng chẵn)
hẹn của em Ch 30-8 Âm lịch/2017
trả và hàng tháng chị trả lời cho em Ch.
Ghi chú Ngày 6-6 Âm lịch
30-8-2017 /2017
Âm lịch (chữ ký)
Nguyễn Thị A
ở 20 Vạn Kiếp Thống Nhất”.*

Tại “*Biên bản lấy lời khai của đương sự*” do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 19-4-2019, chị A trình bày, chị “*có vay ông Lưu Quang Ch với số tiền 300.000.000 đồng ...*” (bút lục 27). Tại “*Biên bản hòa giải*” do Tòa án cấp sơ thẩm lập ngày 20-5-2019, người đại diện theo ủy quyền của chị A trình bày, “*bà A có vay ông Lưu Quang Ch với số tiền 300.000.000 đồng ...*” (bút lục 44 và 45).

Tại Tòa án cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, chị A thừa nhận chị là người viết “*Giấy mượn tiền*” do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án và Tòa án đóng dấu bút lục số 23.

Đối chiếu các tình tiết trên thì thấy rằng, ngày 29-6-2017 (ngày 6-6-2017 âm lịch), chị A vay của anh Ch 300.000.000 đồng là sự kiện có thật.

Tham gia tố tụng, chị A cho rằng chị đã trả cho anh Ch 300.000.000 đồng nói trên, nhưng chị A không xuất trình chứng cứ chứng minh cho lời trình bày đó. Nguyên đơn cũng không thừa nhận việc chị A đã trả 300.000.000 đồng. Do đó, lời khai của chị A về việc đã trả 300.000.000 đồng cho anh Ch là không có cơ sở.

Do nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh sự kiện chị A vay 80.000.000 đồng để góp hụi và chị A cũng không thừa nhận sự kiện này, nên Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Ch, buộc chị A phải trả cho anh Ch 300.000.000 đồng nợ gốc và 72.210.000 đồng tiền lãi của 300.000.000 đồng tính từ ngày 29-6-2017 đến ngày 28-11-2019 (ngày xét xử sơ thẩm), là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật về dân sự.

[2] Đối với kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị A:

[2.1] Tại đơn kháng cáo, chị A trình bày “*Trong khoảng thời gian trước đây, tôi có tham gia chơi hụi và vay mượn tiền với gia đình ông Lưu Quang Ch (gồm có bà Diệp Thị Khánh C, mẹ của ông Ch, bà Lưu Thị Vân Ch1, em gái ông Ch). Tháng 7 năm 2018, tôi bị một người khác kiện đòi nợ oan với số tiền 44 tỷ đồng. Lúc này, gia đình ông Ch yêu cầu tôi tính toán, chốt lại tất cả các khoản*

tiền mà tôi đã nợ đối với gia đình ông Ch với số tiền là 1.300.000.000 đồng. Theo yêu cầu của gia đình ông Ch, tôi đã viết giấy nhận nợ 1.300.000.000 đồng và ghi lùi ngày ngày lại là ngày 5-9-2016 để ông Ch khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố P trước vụ án oan 44 tỷ đồng nói trên. Từ ngày chốt lại khoản nợ 1.300.000.000 đồng đến nay, tôi không hề vay mượn tiền đối với gia đình ông Ch. Sau khi tôi viết giấy chốt lại các khoản nợ, ông Ch đã khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố P với số tiền nợ 1.300.000.000 đồng. Tòa án nhân dân thành phố P đã thụ lý và hòa giải theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 43/2017/QĐST-DS ngày 10-8-2018. Hiện nay tôi đã thi hành xong quyết định này. Tuy nhiên, trong thời gian viết giấy nhận nợ 1.300.000.000 đồng với gia đình ông Ch do vướng vào vụ án oan với số tiền quá lớn nên tâm trạng của tôi không được tốt. Do đó, sau khi viết giấy chốt lại tổng các khoản nợ đối với gia đình ông Ch, tôi quên không thu lại các giấy nhận nợ trước đó mà tôi đã ký. Từ sai sót này tháng 3-2019, ông Ch đã khởi kiện tôi tại Tòa án nhân dân thành phố P, yêu cầu tôi trả 300.000.000 đồng tiền vay và 80.000.000 đồng tiền hui. Trong quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý và giải quyết, tôi đã nhiều lần trình bày: Tất cả các khoản nợ đối với gia đình ông Ch đều được chốt lại và tôi đã viết giấy nhận nợ một tỷ ba trăm triệu đồng, đồng thời ghi lùi ngày (ngày 5-9-2016) để ông Ch có lợi thế khởi kiện ra tòa. Tôi đã yêu cầu Tòa án tiến hành đối chất với ông Ch, bà C và chị Chi. Tuy nhiên, bà C và chị Chi không tham gia”.

Tuy trình bày như vậy, nhưng chị A không xuất trình được chứng cứ chứng minh sự việc trong số tiền 1.300.000.000 đồng mà chị A ghi trong “*Giấy mượn tiền*” ngày 5-9-2016 (bút lục 55) có cả 300.000.000 đồng (là số tiền tranh chấp trong vụ án này) và chị A cũng không xuất trình được chứng cứ chứng minh sự việc khi viết “*Giấy mượn tiền*” đề ngày 5-9-2016 (bút lục 55), chị đã ghi “*lùi ngày*” từ tháng 7 năm 2018 thành “*ngày 5-9-2016*”. Mặt khác, tham gia tố tụng, anh Ch không thừa nhận lời khai này của chị A.

[2.2] Ngoài ra, như đã nhận định tại [1], chị A cũng đã thừa nhận chị là người viết “*Giấy mượn tiền*” mà Tòa án đóng dấu bút lục 23. Thế nhưng, nội dung đọc được tại “*Giấy mượn tiền*” này (bút lục 23) thể hiện rằng, thời điểm chị A viết giấy là ngày 6-6-2017 âm lịch (ngày 29-6-2017), tức là thời điểm sau ngày 5-9-2016.

[2.3] Tòa án cấp phúc thẩm đã lấy lời khai của bà Diệp Thị Khánh C và chị Lưu Thị Vân Ch1 và triệu tập những người này đến phiên tòa phúc thẩm. Tuy nhiên, bà Diệp Thị Khánh C và chị Lưu Thị Vân Ch1 đều trình bày rằng, họ không liên quan trong việc anh Ch cho chị A vay tiền.

Thực tế, không có tài liệu chứng cứ nào thể hiện bà Diệp Thị Khánh C và chị Lưu Thị Vân Ch1 có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, chị A giao nộp là tài liệu đọc được có tiêu đề “*Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ*” do Tòa án nhân dân thành phố P lập ngày 2-8-2017 (bản photocopy), “*Bản khai*” của anh Lưu Quang Ch đề ngày 31-7-2017 (bản photocopy) và trình bày rằng “*các tài liệu này thể hiện anh Ch đã thừa nhận đến ngày 2-8-2017 chị A chỉ còn nợ anh Ch 1.300.000.000 đồng, nên chị không nợ anh Ch bất kỳ khoản tiền nào*”. Tuy

nhien, sau khi xem xét 2 tài liệu này, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có nội dung nào thể hiện như chị A đã trình bày.

[3] Từ các nhận định và đánh giá trên, thấy rằng kháng cáo của chị A không có cơ sở, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm bị kháng cáo, nên người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308; Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Nguyễn Thị A; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Áp dụng Điều 274, Điều 275, Điều 280, Điều 357, Điều 463, 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Quang Ch.
- Buộc chị Nguyễn Thị A phải trả cho anh Lưu Quang Ch 372.210.000 đồng (*gồm có 300.000.000 đồng nợ gốc và 72.210.000 đồng tiền lãi*).
- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lưu Quang Ch cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền nêu trên, chị Nguyễn Thị A còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.
- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Lưu Quang Ch về việc đòi chị Nguyễn Thị A phải trả 80.000.000 đồng và tiền lãi của 80.000.000 đồng này.
- Anh Lưu Quang Ch phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.564.400 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 10.609.280 đồng theo Biên lai số 0001215 ngày 26-3-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; anh Lưu Quang Ch được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 6.044.880 đồng.
- Buộc chị Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 18.610.500 đồng.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002170 ngày 12-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai; chị Nguyễn Thị A đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND thành phố P;
- Chi cục THA dân sự thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa DS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)
Phan Tiến Dũng